

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ  
KHOA SƯ PHẠM  
BỘ MÔN GIÁO DỤC TIỂU HỌC – MẦM NON**



**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

**Cần Thơ, tháng 9 năm 2022**



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học được mô tả như sau:

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt)	Giáo dục Tiểu học
Tên chương trình (tiếng Anh)	Primary Education
Mã số ngành đào tạo	7140202
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Giáo dục Tiểu học
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	Giáo viên tiểu học giảng dạy tại các trường tiểu học và cơ sở giáo dục khác.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có năng lực học tập suốt đời; có khả năng học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ ở trong và ngoài nước. - Có khả năng thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn và hướng dẫn học sinh làm nghiên cứu khoa học.

Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn đào tạo và Chương trình Giáo dục Tiểu học, trường ĐHSP TP.HCM.</li> <li>- Chuẩn đào tạo và Chương trình Giáo dục Tiểu học, trường ĐHSP Hà Nội.</li> <li>- Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo giáo viên Anh.</li> <li>- Chuẩn đầu ra và Chương trình giáo viên Úc.</li> <li>- Thông tư 07/2015/TT – BGD&amp;ĐT ngày 14/4/2015 về việc Ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu.</li> <li>- Quyết định 1982/QĐ - TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.</li> <li>- Thông tư 20/2018/TT – BGD&amp;ĐT về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục phổ thông.</li> <li>- Thông tư 32/TT-BGD&amp;ĐT ban hành về Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2018) và Chương trình các môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018).</li> <li>- Kế hoạch số 1138/KH-ĐHCT ngày 26/4/2022 về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học.</li> </ul>
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 09 năm 2022

## 2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo là đào tạo sinh viên trở thành người giáo viên tiểu học có năng lực giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học tại các trường tiểu học và các cơ sở giáo dục khác; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên để phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế; có khả năng thích nghi với môi trường giáo dục; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ Nhân dân; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

a. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng và an ninh; ngoại ngữ và công nghệ thông tin để vận dụng vào thực tiễn.

b. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, toán học, văn học, tự nhiên, xã hội, hoạt động trải nghiệm, đạo đức, công nghệ và nghệ thuật để học tập, nghiên cứu và giảng dạy ở tiểu học.

c. Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và hội nhập quốc tế.

d. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm phù hợp với chuyên ngành Giáo dục Tiểu học làm công cụ phục vụ học tập và nghiên cứu ở các bậc học cao hơn tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

e. Hình thành và phát triển cho sinh viên phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp và phẩm chất xã hội phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

### **3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

#### **3.1. Kiến thức**

##### **3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương**

a. Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, tự nhiên, tâm lý, xã hội, con người và pháp luật.

b. Mô tả được những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh.

##### **3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành**

a. Tổng hợp được kiến thức về giáo dục học, tâm lý học, lý luận dạy học, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục; và phát triển chương trình làm nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy ở trường tiểu học.

b. Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, toán học, văn học, tự nhiên, xã hội, con người và môi trường ở bậc tiểu học.

##### **3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành**

a. Vận dụng được các hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học; các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học và hoạt động giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

b. Xây dựng và thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học.

c. Xác định được vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp; vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

#### **3.2. Kỹ năng**

##### **3.2.1. Kỹ năng cứng**

a. Hình thành và phát triển các kỹ năng như phát triển chương trình, nghiên cứu khoa học, tổ chức - quản lý lớp học và thiết kế đồ dùng dạy học.

b. Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; kiểm tra và đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

c. Xây dựng và phát triển mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ.

##### **3.2.2. Kỹ năng mềm**

a. Sử dụng được một ngoại ngữ ở trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1, khung Châu Âu), kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản trong nâng cao chất lượng giảng dạy tiểu học, nghiên cứu chuyên môn, giao tiếp và trao đổi quốc tế.

b. Hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tự chủ và tự học.

#### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

a. Tham gia tích cực công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn bản thân.

b. Cầu thị, hợp tác và giúp đỡ bạn bè, đồng nghiệp trong môi trường giáo dục.

c. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

### **4. Tiêu chí tuyển sinh**

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

## 5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

### 5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (1)	Chuẩn đầu ra (2)														
	Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)						Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)		
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)					
	a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c
1.2a	x	x									x	x		x	x
1.2b			x	x							x	x		x	
1.2c					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1.2d											x	x	x	x	x
1.2e												x	x	x	x

### 5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)												Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)		
			Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)								
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>																	
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)		1												1	1
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)		1												1	1
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)		2												1	1
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)		3												1	1
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)		1												1	1
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)											1	1		1	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)											1	1		1	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)											2	1		1	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)											1	1		1	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)											1	1		1	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)											2	1		1	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)											1	1		1	
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)											1	1		1	
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)											2	1		1	
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)											1	1		1	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)											1	1		1	

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)												Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)		
			Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)								
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)											2	1			1
18	TN033	Tin học căn bản (*)											1	1			1
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)											2	1			1
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	1											1			1
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1											1			1
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1											1			1
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2											1			1
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2											1			1
25	KL001E	Pháp luật đại cương	1											1			2
26	ML007	Logic học đại cương	1											1			
27	XH028	Xã hội học đại cương	1											1			
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1											1			2
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	1											1			
30	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	1											1			1
31	KN001	Kỹ năng mềm	1											2		1	
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1											1			1
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>																	
33	SP009	Tâm lý học đại cương			1							1		1	1	1	
34	SG113	Tâm lý học sư phạm giáo dục tiểu học			2							2	2	2	2	2	
35	SP049	Giáo dục học - GDTH			2							2			2	2	
36	SG011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & Đào tạo			1						2			2	1	1	2
37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bên vững			1						1			2	1	1	
38	SG394	Giáo dục hòa nhập			2		2			2	2	2	2	2	2	2	2
39	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	1							1		1		2	1	2	
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục			2					2				2		2	2
41	SG418	Lý luận dạy học giáo dục - Tiểu học			1					2	2			1	1		1
42	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội 1				1				1	1			2	2	2	
43	SG228	Cơ sở tự nhiên xã hội 2				2				1				1	2		2
44	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán				1				1				1	1	1	1
45	SP103	Số học				2					1			2	1	1	
46	SG094	Lý thuyết số				2					1			2	1	1	
47	SP132	Xác suất thống kê - GDTH				2					1			1		1	
48	SP199	T toán sơ cấp - GDTH				2					1			1		1	
49	SG129E	Sinh lý và bệnh lý trẻ em giáo dục tiểu học				1						1		1	2	1	
50	SG221	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 1				2					1			1	1	1	1
51	SG222	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 2				2					1			1	1	1	1
52	SG425	Văn học thiếu nhi				2				1				1	2	1	1
53	SG127	Thực tế ngoài trường giáo dục tiểu học				1					1			1	2	1	1
54	SG128	Môi trường và giáo dục môi trường ở tiểu học				2				1	2	1	2	2	1	2	1

Học phần			Chuẩn đầu ra (2)												Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân (2.3)		
			Kiến thức (2.1)						Kỹ năng (2.2)								
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)		Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)		Kỹ năng cứng (2.2.1)			Kỹ năng mềm (2.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	c
55	SG430	Phát triển chương trình giáo dục tiêu học			1					2		1	1	2	1	2	1
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>																	
56	SG438	Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên và xã hội					3			2	2	1	2	2	1	2	1
57	SG116	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiêu học					2				2	1	1	2	1	2	1
58	SG120	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTH					2			1	1		1	1	2	1	1
59	SP076	Rèn luyện chữ viết - GDTH					2			1	2		1	2	2	1	
60	SG124	Tập giảng Toán giáo dục tiêu học					3			2	2		2	2	2	2	
61	SG123	Tập giảng Văn giáo dục tiêu học					3			2	2		2	2	2	2	
62	SP597	Kiến tập Sư phạm					2		2	2	2	2		2	2	2	2
63	SP598	Thực tập Sư phạm					3	2	3	3	3	3	2	3	3	3	2
64	SG115	Hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học					2		2			1		2	2	2	
65	SG399	Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại - Tiểu học					2			1	2		1	2	1	1	
66	SP056	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiêu học 1					2			2	2		1	1	1	2	1
67	SG224	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiêu học 2					3			2	2		2	2	1	2	1
68	SG223	Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật giáo dục tiêu học					2			1	2		1	2	1	2	
69	SP062	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức					3			2	3		1	2	1	1	1
70	SP336	Phương pháp dạy học toán 1 - GDTH					2			2	2		1	1	1	1	1
71	SG226	Phương pháp dạy học toán 2 - GDTH					3			2	2		2	2	1	2	1
72	SP118E	Anh văn chuyên ngành – GDTH					2	2			2		2	2	2	2	
73	SG122	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiêu học					3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
74	SG406	Dạy học trải nghiệm - Tiểu học					3		1	2	2	1	1	2	2	1	
75	SG375	Phương pháp công tác đội giáo dục tiêu học					2		1	2	2	2	1	2	1	2	1
76	SP071	Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt					2		1	2	3		2	2	2	2	
77	SG234	Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học					3			2	2		2	2	1	2	
78	SP067	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học					3				2		1	2	2	2	
79	SP069	Phát triển tư duy qua dạy toán					2			1	1		1	1	1	1	
80	SG401	Luận văn tốt nghiệp giáo dục tiêu học					2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
81	SG351	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục tiêu học					2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
82	SG233	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán tiểu học						2		2	2		1	1	1	1	
83	SG458	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật					1			1	2		1	2	1	2	
84	SG225	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc GDTH					1			1	2		1	2	1	2	1
85	SP072	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường					2			2	1		1	2	1	1	
86	SG400	Dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số					2			2	2		1	1	1	1	1
87	SG235	Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ					2			2	2		1	2	1	2	1



## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Giáo dục Tiểu học được mô tả như sau:

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa : 141 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục đại cương : 39 tín chỉ (Bắt buộc: 24 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
- Khối kiến thức cơ sở ngành : 44 tín chỉ (Bắt buộc: 40 tín chỉ; Tự chọn: 4 tín chỉ)
- Khối kiến thức chuyên ngành : 58 tín chỉ (Bắt buộc: 44 tín chỉ; Tự chọn: 14 tín chỉ)

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Học kỳ thực hiện	
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45			FL001	I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45			FL002	I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60			FL003	I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45				FL007	I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45				FL008	I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15				I,II,III
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	2				60		TN033	I,II,III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III	
26	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III	
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30					I,II,III
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30					I,II,III
31	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III
<b>Cộng: 39 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 15 TC)</b>											
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>											
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				I,II,III	
34	SG113	Tâm lý học sư phạm giáo dục tiểu học	2	2		30		SP009		I,II	
35	SP049	Giáo dục học - GDTH	3	3		30	30	SG113		I,II	
36	SC011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2		30				I,II,III	
37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP049		I, II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Học kỳ thực hiện
38	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30		SG113		I, II
39	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2			30				I, II
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2		15	30			I, II
41	SG418	Lý luận dạy học giáo dục - Tiểu học	2	2		30				I, II
42	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội 1	2	2		30				I, II
43	SG228	Cơ sở tự nhiên xã hội 2	2	2		30			SG227	I, II
44	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán	2	2		30				I, II
45	SP103	Số học	2		2	30				I, II
46	SG094	Lý thuyết số	2			30				I, II
47	SP132	Xác suất thống kê - GDTH	2	2		30				I, II
48	SP199	Toán sơ cấp - GDTH	3	3		45				I, II
49	SG129E	Sinh lý và bệnh lý trẻ em giáo dục tiểu học	2	2		30				I, II
50	SG221	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 1	3	3		45				I, II
51	SG222	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 2	3	3		45		SG221		I, II
52	SG425	Văn học thiếu nhi	3	3		45				I, II
53	SG127	Thực tế ngoài trường giáo dục tiểu học	1	1			30			I, II
54	SG128	Môi trường và giáo dục môi trường ở tiểu học	2	2		30				I, II
55	SG430	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	2		30				
<b>Cộng: 44 TC (Bắt buộc 40 TC; Tự chọn: 4 TC)</b>										
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>										
56	SG438	Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên và xã hội	3	3		45		SG227, SG228		I, II
57	SG116	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học	2	2		30				I, II
58	SG120	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTH	2	2		15	30			I, II
59	SP076	Rèn luyện chữ viết - GDTH	2	2		30				I, II
60	SG124	Tập giảng Toán giáo dục tiểu học	2	2			60	SG226		I, II
61	SG123	Tập giảng Văn giáo dục tiểu học	2	2			60	SG224		I, II
62	SP597	Kiên tập Sư phạm	2	2			60	SP049		I
63	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SP597, SG123, SG124		II
64	SG115	Hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học	2	2		15	30	SP049		I, II
65	SG399	Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại - Tiểu học	2	2		30				I, II
66	SP056	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 1	2	2		30				I, II
67	SG224	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 2	3	3		45		SP056, SG116		I, II
68	SG223	Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật giáo dục tiểu học	2	2		30				I, II
69	SP062	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức	2	2		30				I, II
70	SP336	Phương pháp dạy học toán 1 - GDTH	2	2		30				I, II
71	SG226	Phương pháp dạy học toán 2 - GDTH	3	3		45		SP336, SG116		I, II
72	SP118E	Anh văn chuyên ngành - GDTH	2	2		30				I, II
73	SG122	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiểu học	2	2		30				I, II
74	SG406	Dạy học trải nghiệm - Tiểu học	2	2		30				I, II
75	SG375	Phương pháp công tác đội giáo dục tiểu học	2	2		30				I, II
76	SP071	Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt	2			30				I, II
77	SG234	Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học	2			30				I, II
78	SP067	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học	2			30				I, II
79	SP069	Phát triển tư duy qua dạy toán	2			30				I, II
80	SG401	Luận văn tốt nghiệp giáo dục tiểu học	10				300	≥105TC		I, II
81	SG351	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục tiểu học	4				120	≥105TC		I, II
82	SG233	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán tiểu học	2			30				I, II
83	SG458	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	2			30				I, II
84	SG225	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc giáo dục tiểu học	3			45				I, II
85	SP072	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường	2			30				I, II
86	SG400	Dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2			30				I, II
87	SG235	Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ	2			30				I, II
<b>Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 44 TC; Tự chọn: 14 TC)</b>										
<b>Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 108 TC; Tự chọn: 33 TC)</b>										

### 3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú	
<b>Học kỳ 1</b>										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
6	SG221	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 1	3	3		45				
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>13</b>	<b>0</b>					
<b>Học kỳ 2</b>										
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		30				
2	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3		3		90			
3	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
4	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60				
5	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				
6	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60				
7	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				
8	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60			
9	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán	2	2		30				
10	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội 1	2	2		30				
11	SG222	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 2	3	3		45		SG221		
12	SP009	Tâm lý học đại cương	2	2		30				
12	TC001	Điền kinh 1 (*)	1		1					
13	TC003	Taekwondo 1 (*)	1							
14	TC005	Bóng chuyền 1 (*)	1							
15	TC007	Bóng đá 1 (*)	1							
16	TC009	Bóng bàn 1 (*)	1							
17	TC011	Cầu lông 1 (*)	1							
18	TC025	Cờ vua 1 (*)	1							
19	TC028	Bóng rổ 1 (*)	1							
20	TC031	Tennis 1 (*)	1							
		<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>15</b>		<b>5</b>				
<b>Học kỳ 3</b>										
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		30		ML014		
2	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		
3	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		
4	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
5	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		
6	SG113	Tâm lý học sư phạm giáo dục tiểu học	2	2		30		SP009		
7	SP103	Số học	2		2	30				
8	SG094	Lý thuyết số	2			30				
9	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
10	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
11	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
12	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
13	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	2			30				
14	KN001	Kỹ năng mềm	2			30				
15	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30				
16	SG011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	2			30			
17	SG129E	Sinh lý và bệnh lý trẻ em giáo dục tiểu học	2	2		30				
18	SG228	Cơ sở tự nhiên xã hội 2	2	2		30				
19	TC002	Điền kinh 2 (*)	1		1			TC001		
20	TC004	Taekwondo 2 (*)	1						TC003	
21	TC006	Bóng chuyền 2 (*)	1						TC005	
22	TC008	Bóng đá 2 (*)	1						TC007	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
23	TC010	Bóng bàn 2 (*)	1					TC009	
24	TC012	Cầu lông 2 (*)	1					TC011	
25	TC026	Cờ vua 2 (*)	1					TC025	
26	TC029	Bóng rổ 2 (*)	1					TC028	
27	TC032	Tennis 2 (*)	1					TC031	
<b>Cộng</b>			<b>18</b>	<b>10</b>	<b>8</b>				
<b>Học kỳ 4</b>									
1	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2		30			
2	SG418	Lý luận dạy học giáo dục - Tiểu học	2	2		30			
3	SP132	Xác suất thống kê - GDTH	2	2		30			
4	SP049	Giáo dục học-GDTH	3	3		30	30	SG113	
5	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	
6	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	
7	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002	
8	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			45		FL008	
9	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30			
10	SG425	Văn học thiếu nhi	3	3		45			
11	SG128	Môi trường và giáo dục môi trường ở tiểu học	2	2		30			
12	TC024	Điền kinh 3 (*)	1		1			TC002	
13	TC019	Taekwondo 3 (*)	1					TC004	
14	TC020	Bóng chày 3 (*)	1					TC006	
15	TC021	Bóng đá 3 (*)	1					TC008	
16	TC022	Bóng bàn 3 (*)	1					TC010	
17	TC023	Cầu lông 3 (*)	1					TC012	
18	TC027	Cờ vua 3 (*)	1					TC026	
19	TC030	Bóng rổ 3 (*)	1					TC029	
20	TC033	Tennis 3 (*)	1					TC032	
<b>Cộng</b>			<b>20</b>	<b>16</b>	<b>4</b>				
<b>Học kỳ 5</b>									
1	SP597	Kiến tập Sư phạm	2	2			60	SP049	
2	SG116	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học	2	2		15	30		
3	SP199	Toán sơ cấp - GDTH	3	3		45			
4	SG120	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTH	2	2		15	30		
5	SP076	Rèn luyện chữ viết - GDTH	2	2		30			
6	SG399	Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại - Tiểu học	2	2		30			
7	SP056	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 1	2	2		30			
8	SP336	Phương pháp dạy học toán 1 - GDTH	2	2		30			
9	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2		2	30		SP049	
10	SG394	Giáo dục hòa nhập	2			30			
11	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2			30			
12	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
<b>Cộng</b>			<b>21</b>	<b>19</b>	<b>2</b>				
<b>Học kỳ 6</b>									
1	SG430	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	2		30			
2	SG375	Phương pháp công tác đội giáo dục tiểu học	2	2		30			
3	SG224	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 2	3	3		45		SP056;SG116	
4	SG223	Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật GDTH	2	2		30			
5	SP062	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức	2	2		30			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
6	SG226	Phương pháp dạy học toán 2 - GDTH	3	3		45		SP336;SG116	
7	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
8	SG115	Hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học	2	2		15		SP049	
9	SG127	Thực tế ngoài trường giáo dục tiểu học	1	1			30		
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>0</b>				
<b>Học kỳ 7</b>									
1	SG124	Tập giảng Toán giáo dục tiểu học	2	2				SG226	
2	SG123	Tập giảng Văn giáo dục tiểu học	2	2			60	SG224	
3	SP071	Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt	2		4	30	60		
4	SG234	Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học	2			30			
5	SP067	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học	2			30			
6	SP069	Phát triển tư duy qua dạy toán	2			30			
7	SP118E	Anh văn chuyên ngành – GDTH	2	2		30			
8	SG122	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiểu học	2	2		30			
9	SG406	Dạy học trải nghiệm - Tiểu học	2	2		30			
10	SG438	Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên và xã hội	3	3		45		SG227;SG228	
		<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>13</b>	<b>4</b>				
<b>Học kỳ 8</b>									
1	SP598	Thực tập Sư phạm	3	3			90	SP597;SG123;SG124	
2	SG401	Luận văn tốt nghiệp giáo dục tiểu học	10		10		300	≥105TC	
3	SG351	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục tiểu học	4				120	≥105TC	
4	SG233	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán tiểu học	2						
5	SG458	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	2						
6	SG225	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc GDTH	3						
7	SP072	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường	2						
8	SG400	Dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2						
9	SG235	Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ	2						
		<b>Cộng</b>	<b>13</b>	<b>3</b>		<b>10</b>			
		<b>Tổng</b>	<b>141</b>	<b>108</b>	<b>33</b>				

#### 4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng ngắn, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC, rèn luyện bản lĩnh, sức khỏe qua các nội dung quân sự, luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị (Cấp trung đội). Rèn luyện kỹ năng chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, hiệp đồng chiến đấu trong tiến công, phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tương trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003),Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ B1 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, âm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ B1 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ B1 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính v.v... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian.v.v.. Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ, v.v... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ ... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng;... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 5 cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 6 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những	Khoa Ngoại ngữ



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				chuyên du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, trờng thuật lại lời nói của người khác.	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng 3 dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin. Bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	Khoa Khoa học Chính trị
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Nội dung học phần trình bày về đường lối của Đảng CSVN từ năm 1930 đến nay. Qua đó, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nên tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa Khoa học Chính trị
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giá thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	Khoa Luật
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
30	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				quan nói chung.	
31	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: lý năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; lý năng tư duy sáng tạo; lý năng quản lý thời gian; kỹ năng quản lý cảm xúc và kỹ năng tìm việc và phỏng vấn tuyển dụng.	Trung tâm tư vấn – hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên
32	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm tư vấn – hỗ trợ và khởi nghiệp sinh viên
33	SP009	Tâm lý học đại cương	2	Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; Bản chất hiện tượng tâm lý con người; Những cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; Tình cảm; Ý chí; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Học phần tâm lý học đại cương làm nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu các học phần cơ sở ngành khác có liên quan như: Tâm lý học sư phạm, tâm lý học tội phạm, tâm lý học xã hội.	Khoa Sư phạm
34	SG113	Tâm lý học sư phạm giáo dục tiểu học	2	Nội dung môn học trang bị cho người học tri thức cơ bản về các lý thuyết phát triển tâm lý học sinh tiểu học, cơ sở tâm lý trong dạy học và giáo dục và những đặc trưng lao động sư phạm, cấu trúc nhân cách của người giáo viên nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở ngành sư phạm nhằm chuẩn bị cho sinh viên tham gia quá trình kiến tập và thực tập sư phạm và làm cơ sở cho việc rèn luyện nhân cách người giáo viên các kỹ năng sư phạm trong các học kì tiếp theo.	Khoa Sư phạm
35	SP049	Giáo dục học – GDTH	3	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức về chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, các con đường giáo dục và nguyên lý giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân; hệ thống kiến thức chung về dạy học tiểu học như: Quá trình dạy học tiểu học, quy luật và nguyên tắc dạy học tiểu học, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học tiểu học; hệ thống kiến thức chung về giáo dục hạnh kiểm cho học sinh tiểu học như: Quá trình giáo dục tiểu học; quy luật và nguyên tắc giáo dục tiểu học, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục tiểu học.	Khoa Sư phạm
36	SG011E	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT	2	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước, Nhà nước Cộng hòa XHCN; Quản lý, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, vai trò vị trí của nhà trường và nhà giáo. Giúp người học nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục. Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	
37	SG114	Giáo dục so sánh và giáo dục bền vững	2	Học phần cung cấp cho người học hệ thống tri thức về giáo dục so sánh. Đồng thời cung cấp cho người học hệ thống tri thức khái quát chung về phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững.	Khoa Sư phạm
38	SG394	Giáo dục hòa nhập	2	Nội dung môn học trang bị cho sinh viên tri thức khái quát chung về giáo dục hòa nhập bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ của giáo dục hòa nhập, phương pháp nghiên cứu giáo dục hòa nhập, khái niệm giáo dục hòa nhập, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, các phương thức giáo dục trẻ khuyết tật; Phân loại học sinh khuyết tật; Dạy học hòa nhập bao gồm: Yêu cầu trong dạy học hòa nhập, điều chỉnh trong dạy học hòa nhập, thiết kế và thực hiện bài học hòa nhập, đánh giá kết quả dạy học hòa nhập; Hỗ trợ học sinh khuyết tật giáo dục hòa nhập bao gồm: nội dung hỗ trợ giáo dục hòa nhập, lực lượng hỗ trợ giáo dục hòa nhập.	Khoa Sư phạm
38	SG115	Hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học	2	Nội dung học phần bao gồm các kiến thức liên quan đến công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức hoạt động trải nghiệm bậc tiểu học: Kiến thức về tập thể học sinh tiểu học, công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức hoạt động trải nghiệm bậc tiểu học. Đồng thời, nội dung học phần còn bao gồm các hoạt động thực hành nhằm bước đầu chuẩn bị cho sinh viên kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp (kỹ năng xây dựng kế hoạch, kỹ năng tổ chức thực hiện, kỹ năng đánh giá các hoạt động công tác chủ nhiệm lớp và kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm) như: Kỹ năng xây dựng một số bản kế hoạch của công tác chủ nhiệm lớp và kỹ năng tổ chức một số hoạt động trải nghiệm.	Khoa Sư phạm
39	SG421	Kỹ năng xử lý tình huống sư phạm	2	Học phần này giúp cho sinh viên tổng hợp những kiến thức về tâm lý và giáo dục làm nền tảng để giao tiếp và ứng xử phù hợp trong các tình huống sư phạm ở nhà trường phổ thông. Học phần gồm 3 chương: chương 1 – Cơ sở lý luận về giao tiếp và ứng xử sư phạm; chương 2 – Một số tình huống sư phạm phổ biến và các xử lý; chương 3 – Những tình huống sư phạm đặc biệt và cách xử lý.	Khoa Sư phạm
40	SG439	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	Học phần gồm có 4 chương, trang bị cho người học những khái niệm, tính chất của nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học giáo dục nói riêng, những đặc trưng của nghiên cứu khoa học giáo dục. Kết thúc học phần người học có khả năng xác định được vấn đề cần nghiên cứu, mục đích, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu,... khoa học giáo dục. Đồng thời người học cũng có thể xây dựng một đề cương và triển khai được trình tự các bước để thực hiện thành công một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục.	Khoa Sư phạm
41	SG418	Lý luận dạy học giáo dục - Tiểu học	2	Học phần <i>Lý luận dạy học giáo dục - Tiểu học</i> cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề dạy học ở tiểu học như: quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và các hình thức tổ chức dạy học ở tiểu học. Từ đây, sinh viên có thể vận dụng một cách hiệu quả vào quá trình tác nghiệp ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
42	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội	2	Học phần <i>Cơ sở tự nhiên xã hội 1</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tự nhiên như vật lý, hóa học, sinh học.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		1		Thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học về hiện tượng tự nhiên sinh học, hóa học và vật lý; kiểm tra và đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh giúp sinh viên có thể giảng dạy tốt các kiến thức về tự nhiên, khoa học cho học sinh tiểu học.	
43	SG227	Cơ sở tự nhiên xã hội 2	2	Học phần <i>Cơ sở tự nhiên xã hội 2</i> tổ chức sinh viên nghiên cứu, hệ thống hóa và phân tích, giải thích sáng tỏ các nội dung khoa học thuộc lĩnh vực địa lí (tự nhiên, kinh tế xã hội) và lịch sử trong chương trình giáo dục tiểu học để sinh viên có thể vững vàng chuẩn bị cho quá trình thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học hiệu quả.	Khoa Sư phạm
44	SP061	Lý thuyết tập hợp và logic toán	2	Học phần <i>Lý thuyết tập hợp và logic toán</i> cung cấp cho người học khái niệm về mệnh đề, các phép toán logic, các quy tắc suy diễn, nguyên lý quy nạp. Đồng thời, học phần này còn cung cấp cho người học khái niệm về tập hợp, các phép toán trên tập hợp. Từ đó, xây dựng khái niệm ánh xạ, ảnh và tạo ảnh, các loại ánh xạ. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học các khái niệm quan hệ tương đương và quan hệ thứ tự, bản số và số thứ tự.	Khoa Sư phạm
45	SP103	Số học	2	Học phần <i>Số học</i> cung cấp một số khái niệm cơ sở về việc xây dựng các cấu trúc về tập số, lý thuyết chia hết, lý thuyết đồng dư... nhằm đưa ra cách xác định và ứng dụng các lý thuyết này để giải các bài toán về số học, từ đó người học vận dụng các kiến thức trên vào dạy học toán ở tiểu học.	Khoa Sư phạm
46	SG094	Lý thuyết số	2	Học phần <i>Lý thuyết số</i> cung cấp một số khái niệm cơ sở về việc xây dựng các cấu trúc về tập số, lý thuyết chia hết, lý thuyết đồng dư... nhằm đưa ra cách xác định và ứng dụng các lý thuyết này để giải các bài toán về số học, từ đó người học vận dụng các kiến thức trên vào dạy học toán ở tiểu học.	Khoa Sư phạm
47	SP132	Xác suất thống kê - GDTH	2	Học phần <i>Xác suất thống kê - GDTH</i> cung cấp cho người học khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên và một số luật phân phối xác suất đặc biệt. Đồng thời, học phần trang bị cho người học các bài toán cơ bản và quan trọng của thống kê: bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thiết thống kê.	Khoa Sư phạm
48	SP199	Toán sơ cấp - GDTH	3	Học phần <i>Toán sơ cấp - GDTH</i> ôn lại và bổ sung cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học các kiến thức toán học phổ thông một số cơ bản và các dạng toán ở tiểu học. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng chúng để giải các bài toán ở tiểu học và nhận ra cơ sở toán học của các bài toán ở tiểu học.	Khoa Sư phạm
49	SG129E	Sinh lý và bệnh lý trẻ em giáo dục tiểu học	2	Học phần Sinh lý và Bệnh lý trẻ em chủ yếu cung cấp các kiến thức về sinh học cơ thể người gồm: (1) đặc điểm cấu tạo chung và nguyên lý hoạt động của cơ thể; (2) Cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan và (3) là các nội dung liên quan đến các rối loạn, các bệnh lý thường mắc phải ở trẻ nhỏ, đồng thời, hướng dẫn có bản cho giáo viên nhằm giúp cho học sinh có thể phòng ngừa và điều trị các bệnh này.	Khoa Sư phạm
50	SG221	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 1	3	Học phần <i>Tiếng Việt Giáo dục tiểu học 1</i> được chia ra làm hai phần: Phần thứ nhất bao gồm những kiến thức đại cương về Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học, như bản chất và chức năng của ngôn ngữ; nguồn gốc, quá trình và cách thức biến đổi và phát triển của ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng; ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt; phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và theo loại hình, phân tích cụ thể trong trường hợp tiếng	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Việt. Phần thứ hai bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm và từ vựng tiếng Việt, như đặc điểm và cấu trúc âm tiết tiếng Việt, cấu tạo, khả năng kết hợp và sự thể hiện trên chữ viết của các hệ thống âm vị thuộc cấu trúc âm tiết; chính âm, chính tả và ứng dụng chúng trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học; đặc điểm, cấu tạo từ và cụm từ cố định; phân loại từ xét trên một số bình diện; nghĩa của từ, phương thức chuyển nghĩa của từ; mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ; phân biệt từ đa nghĩa và đồng âm;... Trên cơ sở kiến thức về ngữ âm và từ vựng, người học có khả năng nhận diện, phân biệt và giải thích được các hiện tượng ngữ âm, từ vựng tiếng Việt hiện đại.	
51	SG222	Tiếng Việt giáo dục tiểu học 2	3	Học phần <i>Tiếng Việt giáo dục tiểu học 2</i> được chia thành hai phần. Phần thứ nhất bao gồm những nội dung về đặc điểm ngữ pháp tiếng Việt; hệ thống từ loại tiếng Việt; các cụm từ, câu trong tiếng Việt; thành phần câu, phân loại câu theo cấu tạo và mục đích nói; văn bản, đoạn văn, liên kết trong văn bản; các nội dung ngữ pháp trong chương trình và sách giáo khoa tiểu học; Qua đó, người học có khả năng nhận diện, phân tích, giải thích các đơn vị ngữ pháp tiếng Việt hiện đại và định hướng việc vận dụng chúng vào dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. Phần thứ hai bao gồm khái niệm về phong cách học; các phong cách chức năng ngôn ngữ tiếng Việt hiện đại; các phương tiện và biện pháp tư từ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Từ đó, người học có khả năng vận dụng lý thuyết phong cách học vào việc dạy học môn Tiếng Việt ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
52	SG425	Văn học thiếu nhi	3	Học phần <i>Văn học thiếu nhi</i> nhằm hệ thống hóa các kiến thức về các tác giả, tác phẩm văn học viết và văn học dân gian dành cho thiếu nhi trong và ngoài nước. Học phần sẽ cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm tiêu biểu có trong chương trình tiểu học của các tác giả viết dành cho thiếu nhi. Đồng thời qua việc nghiên cứu và tổng hợp này, người học còn làm quen với việc phân tích, đánh giá, bình luận tác phẩm góp phần hình thành và phát triển được năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực viết và kỹ năng trình bày cho người học.	Khoa Sư phạm
53	SG127	Thực tế ngoài trường giáo dục tiểu học	1	Học phần <i>Thực tế ngoài trường giáo dục Tiểu học</i> được thiết kế để hướng dẫn sinh viên học thông qua trải nghiệm thực tế ngoài trường học nhằm gia tăng hiểu biết và trải nghiệm của bản thân về lịch sử, ngôn ngữ, đời sống văn hóa, địa lí, ngôn ngữ, phong tục tập quán ở các vùng miền trong cả nước và các nước trên thế giới. Từ hiểu biết này, sinh viên xác định rõ động cơ học tập, lòng tin yêu nghề và cảm hứng đối nghề nghiệp.	Khoa Sư phạm
54	SG128	Môi trường và giáo dục môi trường ở tiểu học	2	Học phần <i>Môi trường và giáo dục môi trường ở tiểu học</i> góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ sở chung về môi trường; đồng thời tạo điều kiện cho người học nghiên cứu, phân tích những nội dung, địa chỉ cụ thể được tích hợp, lồng ghép bảo vệ môi trường trong các môn học ở tiểu học. Từ đó, người học có thể tự thiết kế hoặc hợp tác thiết kế các hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học thông qua các bài học trên lớp hoặc các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đạt hiệu quả tối ưu. Qua các hoạt động này, người học nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và giáo dục người khác bảo vệ môi trường.	Khoa Sư phạm
55	SG430	Phát triển chương trình giáo dục tiểu	2	Học phần <i>Phát triển chương trình giáo dục tiểu học</i> trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phát triển chương trình cấp học và chương trình môn học, phục vụ cho việc xây dựng và	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		học		phát triển chương trình giáo dục ở trường phổ thông. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức về phát triển chương trình theo từng khối lớp khác nhau đảm bảo tính thống nhất đồng tâm với chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời, người học có quan điểm đúng đắn và tiến bộ khi thực hiện chương trình giáo dục cấp học, lớp học và môn học.	
56	SG438	Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên và xã hội	3	Học phần <i>Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên và xã hội</i> trang bị cho người học những kiến thức chuyên ngành về dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội (lớp 1, 2, 3); Khoa học (lớp 4, 5); Lịch sử và Địa lí (lớp 4, 5) ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh; định hướng cho người học một quan điểm đúng đắn về việc tổ chức hoạt động học-hoạt động dạy và hoạt động đánh giá theo yêu cầu của chương trình giáo dục mới. Đặc biệt sinh viên sẽ được thực hành, vận dụng các phương thức và kỹ thuật dạy học một cách hiệu quả vào quá trình dạy học các môn tự nhiên và xã hội ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
57	SG116	Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học	2	Học phần <i>Đánh giá kết quả học tập giáo dục tiểu học</i> là một học phần bắt buộc, trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi về đánh giá năng lực học sinh thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Người học có cơ hội phân tích quy trình và các kỹ thuật đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; tạo lập được những lời nhận xét hiệu quả cũng như thiết kế được các câu hỏi theo 3 mức độ, từ đó xây dựng được ma trận và đề kiểm tra định kỳ cho phù hợp với đặc điểm học sinh.	Khoa Sư phạm
58	SG120	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTH	2	Học phần <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTH</i> trang bị cho người học các kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học giúp người học có thể giải thích được xu hướng, tác động của công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học; phân tích được cơ sở lý luận của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học; vận dụng, khai thác được một số phần mềm để xây dựng được kế hoạch bài dạy có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.	Khoa Sư phạm
59	SP076	Rèn luyện chữ viết - GDTH	2	Học phần <i>Rèn luyện chữ viết - GDTH</i> mô tả khái quát các quy định về chữ viết và việc rèn chữ viết cho học sinh tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT; trình bày các phương pháp và kỹ thuật rèn luyện chữ viết và cách thức trình bày chữ viết trên giấy, trên bảng; đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hành các phương pháp và cách thức đặc thù để luyện chữ cho học sinh tiểu học cũng như cách đánh giá quá trình rèn luyện chữ viết cho học sinh tiểu học.	Khoa Sư phạm
60	SG124	Tập giảng Toán giáo dục tiểu học	2	Học phần <i>Tập giảng Toán giáo dục tiểu học</i> tạo điều kiện cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học thực hành dạy học tiết toán ở tiểu học. Từ đó, sinh viên phát triển năng lực dạy học môn Toán. Đặc biệt, sinh viên còn được tạo điều kiện để tổ chức dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán năm 2018, trong đó nổi bật là dạy học hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực của người học.	Khoa Sư phạm
61	SG123	Tập giảng Văn giáo dục tiểu học	2	Học phần <i>Tập giảng Văn giáo dục tiểu học</i> trang bị cho SV kỹ năng thiết kế kế hoạch bài dạy và thực hành giảng dạy để chuẩn bị đi thực tập sư phạm và tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học. Sinh viên được dự giờ và góp ý tiết dạy của bạn và được bạn góp ý về tiết dạy của mình để rút kinh nghiệm giảng dạy.	Khoa Sư phạm
62	SP597	Kiên tập Sư	2	Kiên tập sư phạm là giai đoạn sinh viên tiếp cận với môi trường	Khoa Sư

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		phạm		giáo dục ở trường phổ thông, mà cụ thể là quan sát, tìm hiểu các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục học sinh cũng như các hoạt động xã hội của nhà trường. Sinh viên được nghe các báo cáo tình hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động ở trường phổ thông; kinh nghiệm công tác giảng dạy và chủ nhiệm của một số giáo viên tiêu biểu. Ngoài ra, sinh viên còn được dự giờ giáo viên hướng dẫn chuyên môn và chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua lớp, tổ chức sinh hoạt đoàn, đội,... Từ đó, bước đầu hình thành tình cảm và ý thức nghề nghiệp cho sinh viên, tích lũy kinh nghiệm chuẩn bị cho giai đoạn thực tập sư phạm. Thời điểm kiến tập sư phạm thường là học kì I năm thứ ba. Hình thức kiến tập sư phạm là tập trung trong 3 tuần liên tục.	phạm
63	SP598	Thực tập Sư phạm	3	Thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên thực hành những kiến thức về các môn khoa học chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học ở trường đại học. Học phần thực tập sư phạm là giai đoạn sinh viên được rèn luyện, thử thách về nhiều mặt: khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tế, năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức, quản lí học sinh. Học phần này giúp sinh viên có cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông, qua đó tiếp tục tăng cường tình cảm và ý thức nghề nghiệp. Thời điểm Thực tập sư phạm là học kỳ 8 năm thứ tư, bắt đầu vào đầu HK II và kéo dài 8 tuần liên tục. Hình thức sinh viên đi Thực tập sư phạm là tập trung. Sinh viên được xem là thành viên của trường phổ thông, sẽ chịu sự quản lí, phân công của trường thực tập.	Khoa Sư phạm
65	SG399	Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại - Tiểu học	2	Học phần <i>Dạy học tác phẩm văn học theo thể loại – Tiểu học</i> mô tả khái quát hóa các vấn đề về loại thể và thể loại văn bản; đặc điểm thể loại văn bản và phương pháp dạy đọc hiểu văn bản dựa vào đặc trưng thể loại. Từ đó, sinh viên thiết kế được các bài tập, kế hoạch dạy học để hình thành và phát triển năng lực đọc cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt.	Khoa Sư phạm
66	SP056	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 1	2	Học phần <i>Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 1</i> mô tả khái quát hóa các kiến thức và kĩ năng dạy học tiếng Việt mà người giáo viên tiểu học cần có như: các phương pháp nghiên cứu dạy học tiếng Việt, các cách tiếp cận dạy học ngôn ngữ và dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học, phân tích chương trình tiếng Việt ở tiểu học và phương pháp dạy học tiếng Việt; thiết kế kế hoạch bài dạy trong môn Tiếng Việt.	Khoa Sư phạm
67	SG224	Phương pháp dạy học tiếng Việt giáo dục tiểu học 2	3	Học phần <i>Phương pháp dạy học tiếng Việt 2 Giáo dục tiểu học</i> mô tả khái quát hóa các kiến thức và kĩ năng dạy học tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực; các phương pháp dạy học phát triển năng lực cho người học và vận dụng các phương pháp dạy học này vào thiết kế dạy đọc, viết, nói và nghe cho học sinh tiểu học.	Khoa Sư phạm
68	SG223	Kỹ thuật và phương pháp dạy học kỹ thuật giáo dục tiểu học	2	Học phần <i>Kỹ thuật và PPDH kỹ thuật giáo dục tiểu học</i> trình bày những kiến thức về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và công cụ đánh giá kết quả học tập môn học; thực hành thiết kế hoạch bài học theo định hướng phát triển năng lực người học; tổ chức hoạt động theo chương trình và sách giáo khoa ở tiểu học. Vận dụng những kiến thức này, người học có thể thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học hiệu quả môn Thủ công - Kỹ thuật (Công nghệ	Khoa Sư phạm



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				theo chương trình Phổ thông tổng thể 2018) ở tiểu học; Bên cạnh, học phần trang bị cho người học một số kiến thức, kỹ năng thực hành hoàn thiện các sản phẩm như xé dán; cắt dán; đan thủ công; gấp giấy thủ công; gấp khăn giấy trang trí bàn tiệc; gói quà, làm nơ; làm hoa giấy; làm đồ chơi bằng vật liệu đơn giản; khâu thêu cơ bản... Thông qua đó, người học hình thành phẩm chất cẩn thận, tỉ mỉ khi thực hiện sản phẩm.	
69	SP062	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức	2	Học phần <i>Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức</i> cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về đạo đức học để làm nền tảng cho việc dạy học đạo đức ở tiểu học, bao gồm nội dung cơ bản của một số phạm trù, giá trị đạo đức trong thời kỳ đổi mới; người học hiểu được tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học và nhận biết được các con đường giáo dục đạo đức cho học sinh. Bên cạnh đó, người học hiểu và xác định được mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, phương tiện, hình thức tổ chức, phương pháp kiểm tra - đánh giá theo chương trình giáo dục phổ thông.	Khoa Sư phạm
70	SP336	Phương pháp dạy học toán 1 - GDTH	2	Học phần <i>Phương pháp dạy học toán 1 - GDTH</i> cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề dạy học toán ở tiểu học như: quá trình dạy học toán, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và các hình thức tổ chức dạy học toán ở tiểu học. Từ đây, sinh viên có thể vận dụng một cách hiệu quả vào quá trình dạy học toán ở nhà trường tiểu học; đặc biệt là thiết kế kế hoạch bài dạy toán.	Khoa Sư phạm
71	SG226	Phương pháp dạy học toán 2 - GDTH	3	Học phần <i>Phương pháp dạy học toán 2 - GDTH</i> cung cấp cho người học những kiến thức chuyên ngành về dạy học môn Toán ở tiểu học theo hướng phát triển năng lực học sinh; hướng dẫn cho người học thiết kế các hoạt động học-hoạt động dạy và hoạt động đánh giá theo yêu cầu của chương trình giáo dục mới. Đặc biệt, sinh viên được thực hành vận dụng các phương thức và kỹ thuật dạy học một cách hiệu quả vào quá trình dạy học các mạch kiến thức môn Toán ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
72	SP118E	Anh văn chuyên ngành - GDTH	2	Học phần <i>Anh văn chuyên ngành - GDTH</i> được xây dựng theo từng chủ đề nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến chương trình giáo dục tiểu học, bao gồm: Hệ thống giáo dục phổ thông nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng; các vấn đề liên quan đến trường học và việc học; giới thiệu cấu trúc chương trình tiểu học; phẩm chất người giáo viên tiểu học; vấn đề quản lý lớp học; Đặc điểm học sinh tiểu học; Giáo dục hoà nhập ở tiểu học. Đồng thời, học phần trình bày bày được những kiến thức về nội dung, phương pháp và quản lý hoạt động dạy và học tiếng Anh và dạy học Toán, Khoa học bằng tiếng Anh dành cho học sinh tiểu học.	Khoa Sư phạm
73	SG122	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiểu học	2	Học phần <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giáo dục tiểu học</i> nhằm hệ thống hóa các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên tiểu học thông qua các <i>kỹ năng sư phạm cơ bản</i> như giao tiếp ứng xử; xử lý tình huống sư phạm; thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như tìm hiểu về trường tiểu học (giáo viên, học sinh, nhà trường...); <i>kỹ năng sư phạm chuyên biệt</i> như kỹ năng phân tích chương trình dạy học, kỹ năng tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục và kỹ năng giảng dạy cho người học...	Khoa Sư phạm
74	SG406	Dạy học trải nghiệm -	2	Học phần <i>Dạy học trải nghiệm - Tiểu học</i> trang bị cho người học những kiến thức chung về trải nghiệm và hoạt động trải	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		Tiêu học		nghiệm; tạo điều kiện cho người học nghiên cứu, phân tích những nội dung, địa chỉ cụ thể có thể tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong các môn học ở tiểu học. Từ đó, người học có thể thiết kế và tổ chức, đánh giá các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học.	
75	SG375	Phương pháp công tác đội giáo dục tiểu học	2	Học phần <i>Phương pháp công tác đội giáo dục tiểu học</i> trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh như: lịch sử, điều lệ, nghi thức và nghi lễ Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; các công tác đội ở trường tiểu học. Từ đó, sinh viên thấy được vai trò vị trí của người tổng phụ trách Đội để rèn luyện và phát triển các kỹ năng nghiệp vụ công tác Đội. Sinh viên cũng có cơ hội rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ công tác đội thông qua các bài tập thực hành về trồng, nghi thức, nghi lễ đội, tổ chức trò chơi, hát, múa, kể chuyện...	Khoa Sư phạm
76	SP071	Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt	2	Học phần <i>Rèn kỹ năng thực hành Tiếng Việt</i> trình bày những vấn đề về rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho bản thân sinh viên, bao gồm các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Đồng thời, học phần góp phần hướng dẫn sinh viên các phương pháp dạy học nhằm rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Việt cho học sinh tiểu học theo định hướng phát triển năng lực.	Khoa Sư phạm
77	SG234	Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học	2	Học phần <i>Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học</i> góp phần chứng minh được vị trí, tầm quan trọng và hệ thống hóa các dạng bài của mạch toán có lời văn có trong chương môn Toán cấp tiểu học; sinh viên không những có cơ hội giải được nhiều dạng toán có lời văn theo nhiều phương thức khác nhau mà còn phát triển được kỹ năng hướng dẫn và đánh giá học sinh giải toán có lời văn, từ đó nâng cao năng lực dạy học môn Toán theo hướng phát triển năng lực của học sinh.	Khoa Sư phạm
78	SP067	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học	2	Học phần <i>Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học</i> nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề về tiếp nhận và cảm thụ văn học, các biện pháp phát triển năng lực cảm thụ các tác phẩm văn học ở nhiều thể loại khác nhau (tự sự, trữ tình, kịch...). Ngoài ra, sinh viên được làm quen với việc thiết kế các dạng bài tập để phát huy năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học.	Khoa Sư phạm
79	SP069	Phát triển tư duy qua dạy toán	2	Học phần <i>Phát triển tư duy qua dạy toán</i> cung cấp cho người học các vấn đề về tư duy, năng lực tư duy toán học-một trong những năng lực thành phần của năng lực toán học trong chương trình môn toán mới. Học phần tập trung làm rõ các mức độ và biểu hiện của các năng lực tư duy toán học của học sinh tiểu học và cách thức để phát triển các năng lực này, làm tiền đề để sinh viên có thể nghiên cứu, phát triển các năng lực đặc thù khác.	Khoa Sư phạm
80	SG401	Luận văn tốt nghiệp giáo dục tiểu học	10	Học phần <i>Luận văn tốt nghiệp giáo dục tiểu học</i> tạo điều kiện cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có cơ hội nghiên cứu sâu về một chủ đề trong chuyên, từ đó, hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên.	Khoa Sư phạm
81	SG351	Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục tiểu học	4	Học phần <i>Tiểu luận tốt nghiệp giáo dục tiểu học</i> tạo điều kiện cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có cơ hội nghiên cứu sâu về một chủ đề trong chuyên môn, từ đó hình thành năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên.	Khoa Sư phạm
82	SG233	Trò chơi sư phạm trong dạy học toán tiểu học	2	Học phần <i>Trò chơi sư phạm trong dạy học toán tiểu học</i> giới thiệu cho sinh viên Tiểu học những quan niệm về trò chơi trong dạy học toán, các nguyên tắc tổ chức trò chơi, qui trình tổ chức một trò chơi và các trò chơi mẫu trong dạy học các mạch kiến thức môn Toán ở tiểu học. Thông qua đó, sinh viên có kỹ năng	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				đề thiết kế và tổ chức các trò chơi trong dạy học toán nhằm gia tăng hiệu quả và hứng thú học tập cho học sinh.	
83	SG458	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	2	Học phần <i>Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật</i> cung cấp cho sinh viên tiểu học một số kiến thức cơ bản về phương pháp vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn, và tạo dáng, tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật và tranh vẽ của thiếu nhi cùng với những hiểu biết phương pháp dạy học mỹ thuật theo hướng phát huy tính tự giác, tích cực học tập của người học. Song song đó, học phần giúp sinh viên hoàn thành được các bài tập vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng trong chương trình, có kỹ năng giảng dạy vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng trong chương trình, tổ chức, thực hiện được các hoạt động dạy - học nội, ngoại khóa về mỹ thuật ở bậc tiểu học. Ngoài ra, sinh viên thực hiện thiết kế và thực hiện một số hoạt động dạy học mỹ thuật ở trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
84	SG225	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc giáo dục tiểu học	3	Học phần <i>Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc GDTH</i> trình bày những kiến thức cơ bản về nhạc lý, ký xướng âm, một số bài hát tiểu học và một số vấn đề về phương pháp giáo dục âm nhạc ở nhà trường tiểu học.	Khoa Sư phạm
85	SP072	Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường	2	Học phần <i>Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường</i> trang bị cho sinh viên những hiểu biết về văn học dân gian và kỹ năng phân tích các tác phẩm dân gian. Cụ thể, sinh viên sẽ thực hành phân tích một số tác phẩm ca dao, truyện cổ tích, truyện cười, tục ngữ... điều này sẽ giúp sinh viên có cách lí giải, hướng dẫn học sinh tiểu học tiếp nhận tác phẩm văn học dân gian trong chương trình tiểu học dễ dàng, thuận lợi hơn.	Khoa Sư phạm
86	SG400	Dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2	Học phần <i>Dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số</i> mô tả khái quát hóa phương pháp dạy học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai cho học sinh dân tộc thiểu số và vận dụng các phương pháp dạy học này vào dạy âm vần, dạy đọc, viết, nói và nghe cho học sinh dân tộc thiểu số.	Khoa Sư phạm
87	SG235	Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ	2	Học phần <i>Dạy học chính tả ở tiểu học theo đặc điểm phương ngữ</i> mô tả khái quát về đặc điểm, nguyên tắc và phương pháp dạy học chính tả; đặc điểm chính tả theo vùng phương ngữ và cách tiếp cận lỗi chính tả do ảnh hưởng phương ngữ trong rèn lỗi chính tả cho học sinh tiểu học. Từ những hiểu biết nền tảng này, người học biết vận dụng biện pháp dạy học thích hợp vào dạy chính tả và thiết kế bài tập sửa lỗi chính tả cho học sinh tiểu học.	Khoa Sư phạm

## 5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học.

- Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông trại,...) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học thì giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

## 6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, ...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

*Cần Thơ, ngày 15 tháng 9 năm 2022*

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**



**Trịnh Thị Hương**